TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2017
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trường Hải.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Lơn.**
2. Ông **Nguyễn Chung.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên.**
Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Bảo Nhật Linh** -Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 715/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXX-ST ngày 06/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐHPT-ST ngày 22/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Phạm T. T. L**, sinh năm: 1983.
Nơi cư trú: tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt
2. *Bị đơn*: Ông **Trương V. H**, sinh năm: 1978.
Nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm T. T.L. trình bày: Bà và ông Trương V. H chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vợ chồng bà có 02 con chung là Trương T. K. N - sinh ngày 06/12/2000 và Trương T. P. L - sinh ngày 05/11/2007. Quá trình chung sống, ông H thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình nên phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn. Về con chung, bà yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương V. H được triệu tập nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày:

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở vì tình cảm của bà L đối với ông H không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, nguyên đơn bà L yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà L là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, bà Lành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, bà L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trương V. H cố tình vắng mặt để giải quyết vụ án. Vì vậy, áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm T. T. L yêu cầu được ly hôn với ông Trương V. H nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc "*Ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2001 và được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 07/8/2001 nên Tòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn, ông Trương V. H thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình nên phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau nữa. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Phạm T. T. L và ông Trương V. H thể hiện trong " *cuộc sống vợ chồng nãy sinh mâu thuẫn do ông Hận hay uống rượu không lo làm ăn nên đã không sống chung với nhau nữa khoảng 04 năm*". Ông Trương V. H đã được tòa triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng vẫn không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của bà L không còn đối với ông Trương V. H, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm T. T. L.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm T. T. L yêu cầu được nuôi 02 con chung là Trương T. K. N - sinh ngày 06/12/2000 và Trương T. P. L - sinh ngày 05/11/2007 không yêu cầu ông Trương V. H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trương V. H không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung là tự từ bỏ quyền yêu cầu được nuôi con của mình. Tại bản tự khai của cháu N và cháu L thể hiện có nguyện vọng mong muốn được ở với bà L. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho các cháu có đủ điều kiện tốt, bên cạnh đó, bà L đang là người trực tiếp nuôi các cháu. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và bảo đảm được quyền lợi cho các cháu là hợp lý.

[3.3] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện được ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Phạm T. T. L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 227, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm T. T. L: Bà Phạm T. T. L được ly hôn với ông Trương V. H.

2. Về con chung: Giao các cháu là Trương T. K. N - sinh ngày 06/12/2000 và Trương T. P. L - sinh ngày 05/11/2007 cho bà Phạm T. T. L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương V. H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Bà Phạm T. T. L phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đ nhưng được trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012950 ngày 12/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa.
- UBND xã N.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải